

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 12 – 11 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương
2. Bà Trương Ngọc Diệp

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm: 1977 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; ***tên gọi khác:*** Không có; ***nơi cư trú:*** Ấp 4A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang; ***ngành nghiệp:*** Không có; ***trình độ văn hóa (học vấn):*** 01/12; ***dân tộc:*** Kinh; ***giới tính:*** Nam; ***tôn giáo:*** Không; ***quốc tịch:*** Việt Nam; ***cha*** Trần Văn D (đã chết) và ***mẹ*** Trần Thị B (đã chết); ***bị cáo có vợ*** tên Bùi Thị L, sinh năm: 1982 nhưng đã ly hôn năm 2017, có 01 người con sinh năm 2003; ***tiền án:*** Có 01 tiền án, cụ thể: Theo bản án số 29/2014/HS-ST ngày 11/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình

phạt tù ngày 02/6/2016, án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đến nay chưa chấp hành.

Vê nhân thân: Ngày 12/5/2017, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản (Thể hiện tại Bản án số 57/2017/HSST ngày 12/5/2017). Ngày 28/3/2018, Trần Văn T chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích, bị cáo đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Trần Thiên K – sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp TT, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn T1 – sinh năm: 1979, nơi cư trú: Ấp 3B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; chỗ ở: Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Đăng G – sinh năm: 1987, địa chỉ: Ấp A, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Lê Thị Mỹ T2 – sinh năm 2003

Địa chỉ: Ấp NT 2, xã NA, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 28/6/2020, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 93P1-0779 đi từ nhà tại ấp 4A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A đến chợ Một Ngàn, thuộc ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang để uống cà phê. Sau khi uống cà phê xong T chạy xe vào chợ, khi T chạy ngang trụ ATM trước cửa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, T phát hiện chị Trần Thiên K vừa rút tiền từ cây ATM đi ra và bỏ bóp da vào cốp xe nên T nảy sinh ý định lấy trộm bóp da của chị K. T điều khiển xe chạy theo chị K về đến nhà chị K, thấy chị K đậu xe trước hàng ba và đi vào nhà nên T đậu xe bên lộ đối diện nhà chị K sau đó đi bộ đến chỗ chị K đậu xe. Quan sát thấy không có ai, T dùng hai tay giật mạnh làm bung cốp xe của của chị K. T giờ cốp xe lấy được 01 cái bóp bên trong có 21.039.500 đồng, 01 nhẫn trơn 24k, trọng lượng 01 chỉ; 04 vòng đeo tay vàng 18k, trọng lượng 1,484 chỉ; 05 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 0,895 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,418 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,750 chỉ; 01 sợi dây chuyền màu trắng, không xác định được trọng lượng và tình trạng. Khi T đang bỏ bóp da vào túi

quần để cất giấu thì bị Lê Thị Mỹ T2 cháu chị K ở cùng chị K phát hiện la lên nên Nguyễn Văn T1 chồng chị K và chị K từ trong nhà chạy ra bắt quả tang đối với Trần Văn T, đồng thời trình báo sự việc với lực lượng Công an (Bút lục số: 03-04; 19-30; 69-82; 87-92).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL.ĐGTS ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành A đã kết luận: 01 nhẫn trơn 24k, trọng lượng 01 chỉ; 04 vòng đeo tay vàng 18k, trọng lượng 1,484 chỉ; 05 nhẫn vàng 18k, trọng lượng 0,895 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,418 chỉ; 01 mặt dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 0,750 chỉ có tổng giá trị là 15.233.650 đồng; đối với 01 sợi dây chuyền màu trắng, không xác định được trọng lượng và tình trạng không xác định được giá trị tài sản (Bút lục số: 64-65). Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại K là 36.273.150 đồng.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKS-HCTA, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội, phân tích nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả đã gây nên; bị cáo còn tiền án năm 2014 nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp tài sản xong nên đề nghị không xử lý lại.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện xem là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đăng G và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án này nên căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung vụ án

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và các tình tiết chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sau khi quan sát thấy chị K rút tiền từ Ngân hàng đi ra bỏ bóp tiền vào cốp xe thì bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị K nên bị cáo một mình dùng xe mô tô biển kiểm soát 93P1 – 0779 chạy theo sau chị K, đến khoảng gần 08 giờ sáng ngày 28/6/2020 tại nhà chị K và anh T1 tại ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A bị cáo Trần Văn T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút tiếp cận nơi chị K để xe mô tô trước nhà dùng hai tay giật mạnh làm bung cốp xe của chị K lấy được nhiều tài sản là vàng và tiền thì bị phát hiện bắt quả tang, tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 36.273.150 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Năm 2017 bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang áp dụng tình tiết tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 do bị cáo có tiền án năm 2014 chưa được xóa án tích. Đến lần phạm tội này bị cáo đã chấp hành xong bản án năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và đương nhiên được xóa án tích đối với bản án năm 2017. Tuy nhiên, đến nay bản án năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A thì bị cáo chưa chấp hành xong nên trong lần phạm tội này xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên khi lượng hình đã xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[4] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và hình phạt áp dụng: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là người đã có án tích chưa được xóa, có nhân thân xấu lẽ ra phải xem đó là những lỗi lầm để sửa đổi bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo không làm được, trái lại hành vi phạm tội của bị cáo lần này diễn ra vào ban ngày, tại vị trí trước nhà bị hại thể hiện tính xem thường pháp luật, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị tại địa phương nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt là cần thiết và để góp phần tuyên truyền, phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

[5] Xét về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm không có bị thiệt hại nên không có yêu cầu bồi thường; đối với thiệt hại về tài sản là cốp xe bị hư hỏng do bị cáo gây nên trong quá trình thực hiện hành vi trộm cắp, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xác định thiệt hại về tài sản nhỏ đã tự sửa chữa, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là tài sản của bị hại đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại xong; vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93P1-0779 của Nguyễn Đăng G mua lại của bà Phạm Thị Hòa nhưng chưa sang tên, sáng ngày 28/6/2020 bị cáo T hỏi mượn anh G để đi chợ mua đồ ăn nhưng sau đó bị cáo T chạy đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là ngoài sự thỏa thuận của anh G nên Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý trả xe mô tô lại cho anh G là phù hợp nên không đặt vấn đề xử lý lại.

[7] Xét đơn xin bãi nại và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại đối với bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận và xem đây là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để làm cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 02 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Không còn thu giữ nên không xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên